

Số: 36 CT-TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

“V/v: Giải trình chênh lệch Doanh thu  
và LNST Hợp nhất sau kiểm toán năm  
2019 so với cùng kỳ năm 2018”

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP Cơ khí - Lắp máy Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo chênh lệch doanh thu và lợi nhuận sau thuế Hợp nhất sau kiểm toán năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018:

*DVT: Nghìn đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	87.423.353	110.992.846	-23.569.493	21,24%
2	LN sau thuế	-45.419.617	-45.309.646	-109.971	0,24%

**Nguyên nhân chênh lệch:**

- Về doanh thu: Giảm 23,569 tỷ đồng tương đương giảm 21,24% so với cùng kỳ năm 2018, do công tác nghiệm thu và quyết toán một số công trình chưa hoàn thành trong năm 2019. Do Chủ đầu tư tại nhiều công trình chậm thanh toán tiền so với kế hoạch, nên dư nợ tín dụng cao, dẫn đến chi phí lãi vay và chi phí phạt chậm nộp BHXH, chậm nộp thuế phát sinh lớn.
- Về lợi nhuận: Giảm 0,109 tỷ đồng tương đương giảm 0,24% so với cùng kỳ năm 2018.

Trân trọng!

Nơi nhận:   
- Như kính gửi;  
- Website Công ty;  
- Lưu TCHC, TCKT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Khiếu Mạnh Tuấn*

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP  
CÔNG TY CP CK-LM SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 CT-TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

“V/v: Giải trình chênh lệch LNST trước  
và sau kiểm toán BCTC Hợp nhất  
năm 2019 và KQKD so với cùng kỳ  
năm 2018”

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty CP Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024.3783.2398 Fax: 024.3783.2397
5. Người Công bố thông tin: Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán năm 2019 của Công ty CP Cơ khí - Lắp máy Sông Đà được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Văn bản số 35 CT/TCKT ngày 31/03/2020 giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán BCTC năm 2019 Hợp nhất.

Văn bản số 36 CT/TCKT ngày 31/03/2020 giải trình chênh lệch Doanh thu và LNST Hợp nhất sau kiểm toán năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 sau kiểm toán của Công ty CP cơ khí - lắp máy Sông Đà: [www.someco.com.vn](http://www.someco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:   
- Như kính gửi;  
- Lưu TCHC, TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Khiếu Mạnh Tuấn*

Số: 35 CT-TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

“V/v: Giải trình chênh lệch LNST hợp  
nhất trước và sau kiểm toán BCTC  
năm 2019”

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện thông tư 52/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Cơ khí – lắp máy Sông Đà xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa BCTC năm 2019 hợp nhất sau kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2019 đơn vị tự lập như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế đơn vị lập	(44.540.138.150)	
2	Lợi nhuận sau thuế kiểm toán lập	(45.419.617.813)	
3	Chênh lệch (2-1)	(879.497.663)	
4	Nguyên nhân chênh lệch		
-	Điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.124.703.504	
-	Điều chỉnh giảm giá vốn	3.149.980.330	
-	Điều chỉnh tăng doanh thu tài chính	13.239	
-	Điều chỉnh tăng chi phí QLDN	8.589.067	
-	Điều chỉnh tăng chi phí khác	799.905.748	
-	Điều chỉnh tăng phần lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	91.219.550	

Chúng tôi cam kết những giải trình trên là hoàn toàn trung thực và chính xác

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu TCHC, TCKT.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Khieu Mạnh Tuấn*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH**

**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 40

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cơ khí - Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 05 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ ; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/ Tái bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Đức Trọng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Quang Thị Kim Dung	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Minh Quyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Đình Thiện	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Văn Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Hán Thị Hồng Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/ Tái bổ nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Minh Quyền	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 4 năm 2019, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trần Thanh Sơn - Tổng Giám đốc. Từ ngày 26 tháng 4 năm 2019 đến ngày 03 tháng 9 năm 2019, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Phạm Minh Quyền - Tổng Giám đốc. Từ ngày 03 tháng 9 năm 2019 đến thời điểm lập báo cáo này, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Khiêu Mạnh Tuấn**

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vũ St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot SH 0A.01, Le Hong Phung II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0313/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán. Theo ước tính của kiểm toán viên, số dự phòng phải trích lập cho số nợ phải thu quá hạn thanh toán năm 2019 khoảng 17 tỷ VND, năm 2018 khoảng 58 tỷ VND. Nếu Công ty trích lập dự phòng, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 sẽ tăng/giảm lần lượt là 75 tỷ VND và 58 tỷ VND; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" năm nay và năm trước sẽ tăng/giảm lần lượt là 17 tỷ VND và 58 tỷ VND.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ thuần 46.252.017.354 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99.067.109.999 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của nhóm Công ty là 91.750.841.075 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>618.997.986.024</b>	<b>663.309.763.819</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.889.017.275</b>	<b>4.002.637.850</b>
1. Tiền		111		3.889.017.275	4.002.637.850
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>387.888.612.048</b>	<b>422.304.263.455</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	321.785.796.357	355.120.616.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	21.237.274.174	19.277.794.887
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5	2.659.332.458	2.659.332.458
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6a	50.013.786.335	53.054.096.955
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(7.807.577.276)	(7.807.577.276)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>207.751.558.818</b>	<b>218.348.703.941</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.8	207.751.558.818	218.348.703.941
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>19.468.797.883</b>	<b>18.654.158.573</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	1.200.000	32.493.030
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		19.467.597.883	18.621.629.647
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	35.896
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẬP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>243.781.437.936</b>	<b>254.004.983.133</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	48.000.000	48.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>197.947.337.900</b>	<b>207.196.096.414</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	196.327.337.900	205.576.096.414
<i>Nguyên giá</i>	222		333.046.558.451	332.592.425.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(136.719.220.551)	(127.016.329.537)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(555.809.000)	(555.809.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>781.492.174</b>	<b>781.492.174</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>37.411.179.907</b>	<b>37.654.510.685</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.391.179.907	37.604.510.685
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.000.000	50.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.593.427.955</b>	<b>8.324.883.860</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.310.327.472	8.031.672.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	283.100.483	293.211.215
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>862.779.423.960</b>	<b>917.314.746.952</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>820.037.310.238</b>	<b>828.320.615.876</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>710.748.827.099</b>	<b>695.609.192.637</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	153.613.393.526	144.727.758.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	68.467.454.751	79.396.808.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	86.048.503.942	83.803.713.562
4. Phải trả người lao động	314		11.989.689.130	12.091.487.118
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	55.991.278.892	58.109.091.478
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	93.810.151.780	76.993.319.691
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	238.818.135.515	238.393.094.947
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.010.219.563	2.093.919.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.288.483.139</b>	<b>132.711.423.239</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	37.460.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	109.263.018.061	132.648.498.161
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.742.113.722</b>	<b>88.994.131.076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>42.742.113.722</b>	<b>88.994.131.076</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(99.067.109.999)	(53.647.492.186)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(53.647.492.186)	(53.647.492.186)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(45.419.617.813)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.005.333.595	4.837.733.136
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>862.779.423.960</b>	<b>917.314.746.952</b>

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	87.328.546.030	110.963.145.933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	30.820.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		87.328.546.030	110.932.325.777
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.456.497.205	98.955.606.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.872.048.825	11.976.718.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.529.891	7.629.221
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.364.928.666	36.708.980.940
Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.364.928.666	36.137.268.440
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(213.330.778)	(393.956.986)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.008.225.713	17.042.803.421
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.707.906.441)	(42.161.393.336)
12. Thu nhập khác	31		88.277.963	52.891.122
13. Chi phí khác	32	VI.6	3.622.278.144	3.841.716.170
14. Lợi nhuận khác	40		(3.534.000.181)	(3.788.825.048)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(46.241.906.622)	(45.950.218.384)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10.110.732	10.110.732
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(46.252.017.354)	(45.960.329.116)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(45.419.617.813)	(45.309.646.559)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(832.399.541)	(650.682.557)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(5.437)	(5.424)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(5.437)	(5.424)

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẬP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(46.241.906.622)	(45.950.218.384)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	9.702.891.014	11.038.743.164
- Các khoản dự phòng	03		-	(27.772.857)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	3.260.400	571.712.500
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		213.330.778	393.956.986
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	34.364.928.666	36.137.268.440
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.957.495.764)	2.163.689.849
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.569.719.067	42.700.361.054
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.597.145.123	(2.875.121.566)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.925.818.276)	(5.096.951.279)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		752.638.203	(498.670.638)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.678.879.936)	(19.294.126.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(83.700.000)	(115.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23.273.608.417</b>	<b>16.983.481.128</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(454.132.500)	(850.468.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(424.132.500)</b>	<b>(850.468.182)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.18	6.433.865.040	144.397.870.742	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18	(29.396.961.532)	(158.260.105.647)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(22.963.096.492)</i>	<i>(13.862.234.905)</i>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(113.620.575)</b>	<b>2.270.778.041</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>4.002.637.850</b>	<b>1.731.859.809</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>3.889.017.275</b>	<b>4.002.637.850</b>	

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Nhóm Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Một số công trình như Đăkpru1, Rào Trăng 4... Công ty ký hợp đồng với đơn giá cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thi công giá vật tư tăng rất cao dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ;

Nhiều công trình đơn vị thi công xong từ rất lâu như Nậm Chiến 1, Nậm chiến 2, Nậm Công, Sứ Pán... Công ty đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, công tác thanh toán chủ đầu tư rất chậm làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, dẫn đến chi phí lãi vay rất lớn.

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ( công ty con) mới đi vào hoạt động chi phí lãi vay và chi phí khấu hao lớn vì vậy ảnh hưởng đến lợi nhuận của Nhóm Công ty.

#### **6. Cấu trúc Nhóm công ty**

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xin Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,96%	89,88%	89,96%	89,88%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Số 32, ngõ 56, đường Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

#### 6b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đổng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh thương điện phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty này là 67% và 24,15% (số đầu năm là 67% và 24,15%).

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 282 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 336 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ (CT, HMCT)} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ (CT, HMCT)} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ (CT, HMCT)}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ (CT, HMCT)} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ (CT, HMCT)}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ (CT, HMCT)}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm công ty bao gồm:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

##### *Giá trị thương hiệu Sông Đà*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.054.701.273	3.431.567.168
Tiền gửi ngân hàng	2.834.316.002	571.070.682
<b>Cộng</b>	<b>3.889.017.275</b>	<b>4.002.637.850</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 tăng lên 162 tỷ, trong đó, theo thỏa thuận của các cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà ngừng góp vốn vào Công ty Cổ phần Someco Năng lượng 1. Số vốn Công ty đã góp là 39.124.823.018 VNĐ tương ứng 24% vốn điều lệ mới.

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.604.510.685	38.568.131.743
Thay đổi tỉ lệ sở hữu		(569.664.072)
Lợi nhuận phát sinh sau ngày trở thành liên kết	(213.330.778)	(393.956.986)
<b>Cộng</b>	<b>37.391.179.907</b>	<b>37.604.510.685</b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>205.299.375.061</i>	<i>237.448.560.071</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	187.734.647.433	218.469.789.510
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	2.367.419.683	2.216.810.830
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	3.025.882.302	3.025.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	5.428.561.863	4.633.487.701
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	959.041.852	3.154.561.471
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Glei	38.180.400	88.180.400
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.375.730.088	3.375.730.088
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.190.032.025	1.304.238.354
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>116.486.421.296</i>	<i>117.672.056.360</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2	55.767.084.237	56.267.084.237
Các khách hàng khác	60.719.337.059	61.404.972.123
<b>Cộng</b>	<b>321.785.796.357</b>	<b>355.120.616.431</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>344.888.000</i>
Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	344.888.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>21.237.274.174</i>	<i>18.932.906.887</i>
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	2.413.950.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	32.296.000	32.296.000
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015	2.997.045.515
Các nhà cung cấp khác	10.821.583.159	13.489.615.372
<b>Cộng</b>	<b>21.237.274.174</b>	<b>19.277.794.887</b>

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>159.332.458</i>	<i>159.332.458</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
Cho Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.659.332.458</b>	<b>2.659.332.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>234.653.664</i>	-	<i>429.936.036</i>	
Ban Tổng giám đốc - Tạm ứng và các khoản khác	234.653.664		429.936.036	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>49.779.132.671</i>	<i>(6.641.985.736)</i>	<i>52.624.160.919</i>	<i>(6.641.985.736)</i>
Tạm ứng	27.625.601.217		24.658.174.031	
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	6.676.588.675		12.898.894.190	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - Lãi cho vay	6.143.301.295	(6.143.301.295)	6.143.301.295	(6.143.301.295)
Ký cược, ký quỹ	1.281.448.566		944.945.541	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.052.192.918	(498.684.441)	7.978.845.862	(498.684.441)
<b>Cộng</b>	<b>50.013.786.335</b>	<b>(6.641.985.736)</b>	<b>53.054.096.955</b>	<b>(6.641.985.736)</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - Tiền lãi cho vay	6.143.301.295	(6.143.301.295)	6.143.301.295	(6.143.301.295)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng Lượng Phúc Khánh	1.839.087.967	(1.165.591.540)	1.839.087.967	(1.165.591.540)
Phải thu các tổ chức khác	526.457.298	(498.684.441)	526.457.298	(498.684.441)
<b>Cộng</b>	<b>8.508.846.560</b>	<b>(7.807.577.276)</b>	<b>8.508.846.560</b>	<b>(7.807.577.276)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.807.577.276	7.835.350.133
Trích lập dự phòng bổ sung		(27.772.857)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.807.577.276</b>	<b>7.807.577.276</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.930.200.574		13.081.793.485	
Công cụ, dụng cụ	132.503.896		158.746.756	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	198.688.854.348		205.108.163.700	
<i>Công trình Nậm Ly 1</i>	<i>20.302.130.832</i>		<i>20.302.130.832</i>	
<i>Công trình thủy điện Xekaman 1</i>	<i>51.465.632.996</i>		<i>51.465.632.996</i>	
<i>Công trình thủy điện Xekaman 3</i>	<i>22.429.588.057</i>		<i>22.516.583.511</i>	
<i>Công trình thủy điện Sanxay</i>	<i>43.774.911.647</i>		<i>45.466.144.770</i>	
<i>Công trình khác</i>	<i>60.716.590.816</i>		<i>65.357.671.591</i>	
<b>Cộng</b>	<b>207.751.558.818</b>		<b>218.348.703.941</b>	

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.200.000	6.493.030
Chi phí thuê nhà		26.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.200.000</b>	<b>32.493.030</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sử dụng đất (tại Đà Nẵng)	6.777.450.316	7.023.394.808
Công cụ dụng cụ	70.332.776	103.961.822
Chi phí trả trước dài hạn khác	462.544.380	904.316.015
<b>Cộng</b>	<b>7.310.327.472</b>	<b>8.031.672.645</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	226.466.395.495	72.255.035.814	31.386.359.155	2.484.635.487	332.592.425.951
Tăng trong năm	454.132.500	-	-	-	454.132.500
<b>Số cuối năm</b>	<b>226.920.527.995</b>	<b>72.255.035.814</b>	<b>31.386.359.155</b>	<b>2.484.635.487</b>	<b>333.046.558.451</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.949.303.493	63.694.966.397	30.257.055.123	1.942.294.925	100.843.619.938
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	22.967.570.115	71.726.496.513	30.119.804.701	2.202.458.208	127.016.329.537
Khấu hao trong năm	8.729.314.147	49.666.035	746.086.138	177.824.694	9.702.891.014
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.696.884.262</b>	<b>71.776.162.548</b>	<b>30.865.890.839</b>	<b>2.380.282.902</b>	<b>136.719.220.551</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	203.498.825.380	528.539.301	1.266.554.454	282.177.279	205.576.096.414
<b>Số cuối năm</b>	<b>195.223.643.733</b>	<b>478.873.266</b>	<b>520.468.316</b>	<b>104.352.585</b>	<b>196.327.337.900</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 195.766.881.128 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình và Chi nhánh Hà Giang.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>55.809.000</b>	<b>2.175.809.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	55.809.000	555.809.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm		500.000.000	55.809.000	555.809.000
Khấu hao trong năm				
<b>Số cuối năm</b>		<b>500.000.000</b>	<b>55.809.000</b>	<b>555.809.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.620.000.000			1.620.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>			<b>1.620.000.000</b>

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ cho các công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	293.211.215	303.321.947
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(10.110.732)	(10.110.732)
<b>Số cuối năm</b>	<b>283.100.483</b>	<b>293.211.215</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>23.140.572.004</b>	<b>22.581.621.277</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	728.575.219	296.997.225
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	7.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	716.467.110	602.666.072
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	13.796.385	13.796.385
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.087.796	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.428.207.604	21.428.207.604
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	70.826.149	60.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	171.140.741	170.482.991
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>130.472.821.522</b>	<b>122.146.136.865</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.649.976.831	17.649.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	13.071.877.951	13.071.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	17.802.127.719	7.757.534.977
Các nhà cung cấp khác	81.948.839.021	83.666.747.106
<b>Cộng</b>	<b>153.613.393.526</b>	<b>144.727.758.142</b>

#### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>52.902.430.751</b>	<b>51.776.524.519</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	46.651.143.944	45.675.237.712
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	781.665.745	631.665.745
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>15.565.024.000</b>	<b>27.620.283.617</b>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	-	3.081.163.959
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Mu	3.284.400.000	1.886.400.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Rào Trăng 4	2.714.213.179	10.265.008.496
Các khách hàng khác	9.566.410.821	12.387.711.162
<b>Cộng</b>	<b>68.467.454.751</b>	<b>79.396.808.136</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	53.990.671.367		6.002.628.414	(5.028.336.869)	54.964.962.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.588.201.445		-	-	7.588.201.445
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.085.168	35.896	80.989.923	(177.477.710)	1.403.561.485
Thuế tài nguyên	840.816.476		1.509.788.543	(1.945.917.504)	404.687.515
Tiền thuế đất	5.832.787.268		838.330.416	-	6.671.117.684
Thuế bảo vệ môi trường	115.231.356		589.811.796	(371.298.816)	333.744.336
Các loại thuế khác	238.854.677		13.000.000	(13.000.000)	238.854.677
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.697.065.805		1.138.765.635	(392.457.552)	14.443.373.888
<b>Cộng</b>	<b>83.803.713.562</b>	<b>35.896</b>	<b>10.173.314.727</b>	<b>(7.928.488.451)</b>	<b>86.048.503.942</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Năm Ly 1 trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	26.439.549.414	18.691.063.153
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam - tiền thiết bị	1.818.168.460	10.949.616.407
Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - tiền thiết bị	25.300.000	25.300.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	23.901.884.906	24.636.735.806
<b>Cộng</b>	<b>55.991.278.892</b>	<b>58.109.091.478</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>22.745.764.720</i>	<i>22.326.469.711</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	22.741.264.720	22.321.969.711
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>71.064.916.960</i>	<i>54.666.849.980</i>
Lãi vay phải trả	23.937.562.469	
Kinh phí công đoàn	2.070.098.569	1.393.241.353
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	33.560.360.011	37.240.638.388
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.604.840.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.892.055.751	13.428.130.079
<b>Cộng</b>	<b>93.810.681.680</b>	<b>76.993.319.691</b>

#### 18. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.027.453.211</i>	<i>2.027.453.211</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.027.453.211	2.027.453.211
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>218.368.211.467</i>	<i>224.974.039.159</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình <sup>(i)</sup>	180.468.689.467	186.702.127.240
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà <sup>(ii)</sup>	34.900.000.000	35.287.998.248
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang <sup>(iii)</sup>	2.999.522.000	2.983.913.671
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>3.282.341.077</i>	<i>4.270.341.077</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>15.140.129.760</i>	<i>7.121.261.500</i>
<b>Cộng</b>	<b>238.818.135.515</b>	<b>238.393.094.947</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VIII.1b).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 9,5%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 39.124.820.000 đồng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tối đa là 3.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10,5%/năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	2.027.453.211				2.027.453.211
Vay ngắn hạn ngân hàng	224.974.039.159	2.999.522.000		(9.605.349.692)	218.368.211.467
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.270.341.077	3.437.000.000		(4.425.000.000)	3.282.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả	7.121.261.500		23.385.480.100	(15.366.611.840)	15.140.129.760
<b>Cộng</b>	<b>238.393.094.947</b>	<b>6.436.522.000</b>	<b>23.385.480.100</b>	<b>(29.396.961.532)</b>	<b>238.818.135.515</b>

#### 18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	132.648.498.161	139.585.202.061
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá		563.296.100
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(23.385.480.100)	(7.500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>109.263.018.061</b>	<b>132.648.498.161</b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	15.124.241.600	7.121.261.500
Trên 1 năm đến 5 năm	60.000.000.000	68.136.496.100
Trên 5 năm	49.278.906.221	64.512.002.061
<b>Cộng</b>	<b>124.403.147.821</b>	<b>139.769.759.661</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	468.180.284	(83.700.000)	384.480.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279		1.625.739.279
<b>Cộng</b>	<b>2.093.919.563</b>	<b>(83.700.000)</b>	<b>2.010.219.563</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.233.038.148	(7.592.378.205)	5.541.736.928	135.645.774.098
Lợi nhuận trong năm trước				(45.309.646.559)	(650.682.557)	(45.960.329.116)
Trích lập các quỹ			107.474.751	(179.124.585)		(71.649.834)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết					(50.000.000)	(50.000.000)
Trả lại vốn cho cổ đông không kiểm soát				(569.664.072)		(569.664.072)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát				3.321.235	(3.321.235)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>83.536.200.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>42.340.512.899</b>	<b>(53.647.492.186)</b>	<b>4.837.733.136</b>	<b>88.994.131.076</b>

#### Năm nay

Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(53.647.492.186)	4.837.733.136	88.994.131.076
Lợi nhuận trong năm nay				(45.419.617.813)	(832.399.541)	(46.252.017.354)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>83.536.200.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>42.340.512.899</b>	<b>(99.067.109.999)</b>	<b>4.005.333.595</b>	<b>42.742.113.722</b>

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.556.000.000	38.556.000.000
Vốn góp của các cổ đông	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
<b>Cộng</b>	<b>95.463.377.227</b>	<b>95.463.377.227</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	7.735.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	7.735.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	7.735.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 323,14 USD (số đầu năm là 342,94 USD)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	18.632.898.279	19.548.341.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.510.542.881	1.975.731.090
Doanh thu hợp đồng xây dựng	64.888.605.270	89.387.664.614
Doanh thu khác	296.499.600	51.409.156
<b>Cộng</b>	<b>87.328.546.030</b>	<b>110.963.145.933</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Doanh thu xây lắp		10.788.871.911

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thương phẩm điện	11.063.189.885	8.729.777.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.709.596.010	1.097.088.108
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	65.683.711.310	89.128.741.516
<b>Cộng</b>	<b>79.456.497.205</b>	<b>98.955.606.987</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.269.491	7.550.526
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	78.695
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.260.400	-
<b>Cộng</b>	<b>6.529.891</b>	<b>7.629.221</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	34.364.928.666	36.137.268.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	571.712.500
<b>Cộng</b>	<b>34.364.928.666</b>	<b>36.708.980.940</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.088.972.347	11.040.729.579
Chi phí vật liệu quản lý	474.663.173	813.749.216
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.278.560	214.356.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.822.621	160.170.132
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	12.500.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(27.772.857)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.979.709.498	2.262.785.722
Các chi phí khác	3.177.779.514	2.566.284.634
<b>Cộng</b>	<b>16.008.225.713</b>	<b>17.042.803.421</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	2.158.512.509	2.921.426.541
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.133.765.635	902.189.629
Phạt vi phạm hành chính	330.000.000	-
Chi phí khác	-	18.100.000
<b>Cộng</b>	<b>3.622.278.144</b>	<b>3.841.716.170</b>

**7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(45.419.617.813)	(45.309.646.559)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(45.419.617.813)	(45.309.646.559)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.353.620	8.353.620
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(5.437)</b>	<b>(5.424)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.491.184.485	40.675.613.633
Chi phí nhân công	34.338.099.567	40.321.849.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.702.891.014	11.170.128.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.558.559.068	37.879.763.802
Chi phí khác	7.954.679.432	10.119.927.278
<b>Cộng</b>	<b>89.045.413.566</b>	<b>140.167.282.039</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao Hội đồng quản trị trong năm là 776.301.789 VND (năm trước là 994.719.573 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cùng Tập đoàn

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Tổng công ty Sông Đà – CTCP</i></b>		
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng công ty	291.862.641	
Thanh toán tiền khối lượng		9.887.885.122
<b><i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</i></b>		
Phải trả về khối lượng xây lắp		4.740.961.572

#### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Phạm Đức Trọng dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 848.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.13, V.14, V.17 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực Thủy điện: sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- Lĩnh vực khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực Thủy điện</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	64.888.605.270	18.632.898.279	3.807.042.481	87.328.546.030
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.888.605.270</b>	<b>18.632.898.279</b>	<b>3.807.042.481</b>	<b>87.328.546.030</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(795.106.040)	7.569.708.394	884.115.693	7.658.718.047
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(13.981.942.890)	(1.173.223.965)	(853.058.858)	(16.008.225.713)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14.777.048.930)	6.396.484.429	31.056.835	(8.349.507.666)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.789.398	3.615.601	124.892	6.529.891
Chi phí tài chính	(20.217.673.319)	(14.147.255.347)	-	(34.364.928.666)
Thu nhập khác	37.460.000	-	50.817.963	88.277.963
Chi phí khác	(3.207.587.652)	(85.605.905)	(329.084.587)	(3.622.278.144)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(10.110.732)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(46.241.906.622)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>		<b>673.050.681</b>	<b>20.772.727</b>	<b>693.823.408</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.714.814.350</b>	<b>7.615.905.797</b>	<b>44.596.926</b>	<b>10.375.317.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực Thủy điện</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	89.018.761.074	19.548.341.073	2.365.223.630	110.932.325.777
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.339.774.353		(1.339.774.353)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>90.358.535.427</b>	<b>19.548.341.073</b>	<b>1.025.449.277</b>	<b>110.932.325.777</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.614.474.178	10.818.563.710	(850.276.084)	11.582.761.804
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(14.396.198.408)	(1.375.070.713)	(1.271.534.300)	(17.042.803.421)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.781.724.230)	9.443.492.997	(2.121.810.384)	(5.460.041.617)
Doanh thu hoạt động tài chính	7.080.511	374.447	174.263	7.629.221
Chi phí tài chính	(52.773.958.482)	15.847.705.190	217.272.352	(36.708.980.940)
Thu nhập khác	52.891.122	-	-	52.891.122
Chi phí khác	(3.980.986.177)	24.395.972	114.874.035	(3.841.716.170)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.110.732)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(45.960.329.116)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>475.000.000</b>	<b>6.701.820.421</b>		<b>7.176.820.421</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.345.135.719</b>	<b>1.168.019.814</b>		<b>8.513.155.533</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	707.392.474.906	208.341.823.181	9.279.375.776	(102.304.232.368)	822.709.441.495
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					40.070.512.365
<b>Tổng tài sản</b>					<b>862.779.953.860</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	702.859.140.040	168.394.940.297	11.321.991.410	(64.548.981.072)	818.027.090.675
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.010.219.563
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>820.037.310.238</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	757.625.351.945	217.784.356.615	10.445.891.429	(108.854.696.180)	877.000.903.809
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					40.313.843.143
<b>Tổng tài sản</b>					<b>917.314.746.952</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	710.384.186.619	171.057.530.903	11.894.333.262	(67.109.354.471)	826.226.696.313
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.093.919.563
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>828.320.615.876</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhóm Công ty tiếp tục lỗ 46.252.017.354 VND, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99.067.109.999 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 91.750.841.075 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn lập báo cáo tài chính dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục vì các lý do sau:

- Công ty mẹ và Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco đang triển khai một số hợp đồng mới. Các hợp đồng này bắt đầu được nghiệm thu thanh toán vào cuối năm 2019 và tiếp tục được thanh toán trong năm 2020.
- Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco: Trong tổng số nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì chi phí phải trả ngắn hạn chiếm 49,49%. Các khoản chi phí này dự kiến chưa phải trả trong vòng 12 tháng tới do chưa có hóa đơn chứng từ.
- Công ty Cổ phần Someco Hà Giang: Hoạt động của Nhà máy thủy điện Nậm Lỳ 1 đang dần ổn định, dòng tiền từ kinh doanh thủy điện có thể chi trả được các khoản nợ đến hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Số liệu so sánh

Trong năm 2019, Công ty ghi nhận bổ sung các khoản tiền chậm nộp thuế theo Thông báo của Cục Thuế thành phố Hà Nội. Việc ghi nhận này ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	74.970.879.268	8.832.834.294	83.803.713.562
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(44.814.657.892)	(8.832.834.294)	(53.647.492.186)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>				
Chi phí khác	32	2.998.527.592	843.188.578	3.841.716.170
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(45.107.029.806)	(843.188.578)	(45.950.218.384)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	(45.107.029.806)	(843.188.578)	(45.950.218.384)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.940.139.857)	843.188.578	(5.096.951.279)

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn